TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 701/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long.

2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Q, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01-01-1998, đến ngày 04-12-2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường N, thành phố Q. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng sau đó vợ chồng chị có trở lại sống chung và sinh đứa con thứ 3. Sau khi chị sinh con, chồng chị chỉ lo ăn chơi mà không lo làm nuôi con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chồng chị vẫn tính nào tật nấy, cứ theo bạn bè ăn chơi rồi gây thương tích cho người khác dẫn đến chết người bị Tòa án xử phạt 14 năm tù, ở tù từ năm 2009 cho đến tháng 6-2020 mới ra tù. Trong thời gian đó, chị một mình phải nuôi 03 đứa con và thăm nom chồng. Đến năm 2013, chị bị Tòa án xử phạt 04 năm tù về tội mua bán ma túy; mãn hạn tù năm 2017 trở về nhà, chị đã chí thú làm ăn và chăm lo cho các con. Từ lúc ra tù đến nay, anh P không quan tâm gì đến vợ con. Chị đã không còn tình cảm với anh P nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Cẩm S (sinh ngày 19-02-2000), Nguyễn Thị Cẩm N (sinh ngày 05-12-2001), Nguyễn Quốc B (sinh ngày 28-11-2006); sức khỏe của các cháu bình thường; cháu N và cháu S đã trưởng thành, cháu B hiện đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai. Chị đang làm may tại T; thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 5.200.000 đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào.

* Tại bản khai đề ngày 25 tháng 6 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị Q trình bày. Sau khi cưới, công việc làm lao động của hai vợ chồng đủ sống. Sau một thời gian sống rất hạnh phúc, đến thời điểm này anh với mới ra tù, trong khi anh đang thi hành án vợ anh có nảy sinh mâu thuẫn đòi ly hôn, nhưng anh không chấp nhận. Anh xin Tòa soi xét để vợ chồng đoàn tụ về làm nuôi con.

Về phần 03 đứa con hiện nay sức khỏe đều ổn, 02 đứa lớn đã nghỉ học và đang đi làm còn con trai út đang học lớp 7. Trong thời gian anh thi hành án, vợ anh không lo cho con cái mà để cho mẹ vợ lo tất cả từ ăn uống đến học hành. Nếu ly hôn thì anh xin nuôi 03 đứa con. Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh không có khoản nợ chung nào.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Quốc B: Nếu cha mẹ của cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q; giao cháu B cho

chị Q nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Cho nên, theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01-01-1998, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 04-12-2002, không vi phạm điều kiện kết hôn, cho nên hôn nhân giữa chị Q và anh P là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương ngày 13-5-2020 (bút lục số 27), chị Q, anh P đã từng bị Tòa án xử phạt tù giam, chị Q đã chấp hành xong hình phạt tù năm 2017, còn anh P mới mãn hạn tù vào tháng 6-2020. Chính vì một thời gian dài không sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, trách nhiệm cũng không còn. Chị Q, anh P không có động thái nào để cứu vãn mối quan hệ hôn nhân đã rạn nứt, cho dù Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện để động viên, hòa giải hai bên. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh P.

[4] Vợ chồng chị Q, anh P có 03 con chung là Nguyễn Thị Cẩm S (sinh ngày 19-02-2000), Nguyễn Thị Cẩm N (sinh ngày 05-12-2001), Nguyễn Quốc B (sinh ngày 28-11-2006). Các cháu S và N đã trên 18 tuổi, đã đi làm, sức khỏe bình thường, nên việc ở với cha hoặc mẹ là tùy các cháu quyết định. Cháu B đã ở với mẹ và bà ngoại trong suốt thời gian anh P ở tù, tình cảm mẹ con đã gắn bó, nguyện vọng của cháu B muốn ở với mẹ; còn anh P mới được ra tù, điều kiện về chỗ ở, việc làm chưa ổn định, nên không đủ khả năng nuôi con. Do đó, theo Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu B cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, chị Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc B (sinh ngày 28-11-2006) – cháu B đang ở với chị Q. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007703 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. N, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh